TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 102/2021/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 15 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021, về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Giàng Thị T, sinh năm 1987.

- Anh Mai Quang D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Cùng trú tại SN 01B đường Phạm Ngọc Thạch, tổ 7 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang. Các thoả thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị T và anh Mai Quang D tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Giàng Thị T và anh Mai Quang D thống nhất thỏa thuận giao cháu Mai Tuấn T, sinh ngày 23/9/2012 và cháu Mai Anh T1 sinh, ngày 24/9/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ/1 tháng cho cả hai con, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/10/2021 theo phương thức chuyển

tiền hàng tháng chị T là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con. Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không bị ai cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Giàng Thị T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản thuận tình ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Giàng Thị T và anh Mai Quang D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị T và anh Mai Quang D tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao hai cháu Mai Tuấn T, sinh ngày 23/9/2012 và cháu Mai Anh T1, sinh ngày 24/9/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ *(năm triệu đồng)*/tháng cho cả hai cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/10/2021 theo phương thức anh D chuyển tiền hàng tháng chị T là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không bị ai cản trở.

- Về lệ phí: Chị Giàng Thị T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000,đ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị Giàng Thị T đã nộp theo biên lai số 0000553 ngày 01/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang *(đã thi hành xong)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPH;
- CCTHA dân sự TPH;
- TAND tỉnh HG;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Mỹ Lệ